

Tỷ lệ biến chứng sau phẫu thuật do xơ dính chiếm 12,2%.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Thanh Quang (2004), Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị viêm đa xoang mạn tính qua phẫu thuật nội soi chức năng mũi xoang, Luận án Tiến sỹ Y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Ngô Chí Tâm, Trần Minh Trường, Châu Chiếu Hoà (2020), Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi viêm xoang mạn polyp mũi có sử dụng máy cắt hút microdebrider tại bệnh viện tai mũi họng cần thơ năm 2018 - 2019. Y học Thành phố Hồ Chí Minh. Tập 24, số 2 -2020: 146 - 153
3. Muthubabu K, Gayathri S, Sravanthi P, et al (2019). Comparative Study Between Endoscopic Sinus Surgery Using Microdebrider and Conventional Techniques with It's Impact on Pulmonary Function Tests: A Randomized Control Trial. Indian J Otolaryngol Head Neck Surg. 71(Suppl 3):2127-2132.
4. Koizumi M, Suzuki S, Matsui H et al (2020). Trends in complications after functional endoscopic sinus surgery in Japan: A comparison with a previous study (2007-2013vs. 2013-2017). Auris Nasus Larynx. 47(5):814-819.
5. Singh R, Hazarika P, Nayak DR et al (2013). A comparison of microdebrider assisted endoscopic sinus surgery and conventional endoscopic sinus surgery for nasal polypi. Indian J Otolaryngol Head Neck Surg. 65(3):193-6.
6. Varman K, Borlingegowda V, Hussain S M, et al. (2017), Conventional versus Microdebrider Assisted Endoscopic Sinus Surgery for Sinonasal Polyposis -A Comparative Study. Research in Otolaryngology, Vol. 6, 10-15.

## THỰC HÀNH CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ VỀ PHÒNG CHỐNG DỊCH COVID-19 TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN KIẾN XƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2021

Phan Thu Nga<sup>1</sup>, Phạm Thị Hương Ly<sup>1</sup>

#### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực hành của nhân viên y tế về phòng, chống dịch covid 19 tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình năm 2021. Đối tượng nghiên cứu: Các nhân viên y tế đang làm việc tại các khoa, phòng thuộc Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương.

**Phương pháp:** Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

**Kết quả:** 99,2% NVYT được tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn và 99,5% NVYT tự giác theo dõi sức khỏe bản thân. Tỷ lệ NVYT có thực hành phòng chống dịch Covid-19 rất tốt chiếm 58,2%, tỷ lệ thực hành tốt chiếm 34,2%, chỉ có 7,7% thực hành chưa tốt về vấn đề này. Có 17/17 trường các khoa/phòng

trả lời rằng bệnh viện đang thực hiện đồng bộ rất nhiều các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19.

**Từ khóa:** Thực hành, Nhân viên y tế, Covid-19.

#### ABSTRACT

PRACTICE OF MEDICAL STAFF ABOUT COVID-19 PREVENTION AT KIEN XUONG HOSPITAL IN THAI BINH PROVINCE IN 2021

**Objective:** Describe the practice of medical staff on the prevention and control of covid 19 at Kien Xuong district general hospital, Thai Binh province in 2021. Subjects: Medical staff working in departments , room of Kien Xuong district general hospital.

**Methods:** The study was carried out according to a descriptive epidemiological design with an analytical cross-sectional survey combining qualitative and quantitative research.

**Results:** 99,2% of health workers are trained in infection control and 99,5% of health workers voluntarily monitor their own health. The percentage of health workers with very good Covid-19 prevention practices accounted for 58.2%, the rate of good practice accounted for 34.2%, only

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

\*Chịu trách nhiệm chính: Phan Thu Nga

Email: phanthunga2710@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/01/2022

Ngày phản biện: 29/1/2022

Ngày duyệt bài: 26/02/2022

7,7% did not practice well on this issue. 17/17 heads of departments/departments answered that the hospital is implementing a lot of measures to prevent and control the COVID-19 epidemic.

Keywords: Practice, Medical staff, Covid-19.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để bảo đảm an toàn cho các cơ sở khám, chữa bệnh phòng, chống lây nhiễm chéo trong bệnh viện cũng như ngăn chặn, phát hiện sớm ca bệnh trước khi tới bệnh viện, Tiểu ban Điều trị (Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch Covid-19) đã ban hành Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn phòng, chống dịch Covid-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp theo Quyết định 3088/QĐ-BYT của Bộ Y tế [1]. Sau hơn hai tháng triển khai Bộ tiêu chí bệnh viện an toàn phòng, chống dịch Covid-19, có 1.380 bệnh viện, trung tâm y tế tiến hành tự đánh giá qua phần mềm trực tuyến, còn 150 bệnh viện, trung tâm y tế chưa tiến hành tự đánh giá hoặc đã đánh giá nhưng không nhập số liệu. Kết quả thống kê của Cục Quản lý khám, chữa bệnh (Bộ Y tế) cho thấy, có 1.089 bệnh viện an toàn (chiếm 79%); 263 bệnh viện an toàn ở mức thấp (chiếm 19%) và 28 bệnh viện không an toàn (chiếm 2%) [2]. Thực hành của nhân viên y tế về vấn đề kiểm soát nhiễm khuẩn nói chung và phòng, chống dịch Covid-19 nói riêng đóng vai trò rất quan trọng trong đảm bảo chất lượng bệnh viện cũng như bệnh viện an toàn trong đại dịch. Chính vì thế chúng tôi thực hiện nghiên cứu trên 196 nhân viên y tế tại Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình với mục tiêu: Mô tả thực hành của nhân viên y tế về phòng, chống dịch Covid 19 tại bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình năm 2021.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Địa điểm, thời gian, đối tượng nghiên cứu

- Địa điểm nghiên cứu: Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01/2021 đến 06/2021.

- Đối tượng nghiên cứu: Nhân viên y tế đang làm việc tại các khoa, phòng thuộc bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương.

#### Tiêu chuẩn chọn mẫu:

+ Các nhân viên y tế đang làm việc tại các khoa, phòng thuộc bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương.

+ Nhân viên y tế có mặt tại thời điểm nghiên cứu.

+ Nhân viên y tế tự nguyện và hợp tác tham gia nghiên cứu

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang có phân tích kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng.

### 2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

- Cỡ mẫu:

Cỡ mẫu định lượng được tính theo công thức:

$$n = Z^2_{(1-\frac{\alpha}{2})} \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Thay vào công thức được n = 150 nhân viên y tế.

Cỡ mẫu định tính

+ Ban giám đốc bệnh viện: Chọn 01 cán bộ

+ Trưởng/phó 17 khoa/phòng của bệnh viện.

Tổng có 18 đối tượng được thực hiện phỏng vấn sâu

- Phương pháp chọn mẫu:

Điều tra định lượng: Tại thời điểm nghiên cứu có 196 nhân viên y tế đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu nên chúng tôi chọn toàn bộ số nhân viên đó để đưa vào nghiên cứu.

Điều tra định tính: Những nhân viên y tế sẽ được phỏng vấn sâu

+ Ban giám đốc bệnh viện: Chọn 01 cán bộ (Trưởng ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của bệnh viện)

+ Trưởng/phó 17 khoa/phòng của bệnh viện.

### 2.4. Phương pháp thu thập số liệu

- Điều tra định lượng: Phỏng vấn trực tiếp các nhân viên y tế đang làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình bằng bộ phiếu phỏng vấn đã được thiết kế sẵn. Bộ câu hỏi được xây dựng dựa trên nội dung Công văn 6649/BYT-KCB và quyết định 3088/QĐ-BYT. Bộ câu hỏi được hoàn thiện sau khi thực hiện điều tra thử.

- Điều tra định tính: Trong tất cả các đối tượng nghiên cứu, chọn có chủ định 18 nhân viên y tế để phỏng vấn sâu như trên

### 2.5. Tiêu chuẩn đánh giá

- Điểm thực hành của nhân viên y tế được chấm tổng điểm tối đa là 58 điểm

- Tiêu chuẩn đánh giá: Do nhóm đối tượng nghiên cứu là nhân viên y tế thường có kiến thức, thái độ về phòng, chống dịch bệnh tốt hơn các nhóm đối

tượng nghiên cứu khác nên thang điểm đánh giá trong nghiên cứu của chúng tôi thực hiện sẽ ở mức cao hơn. Theo bảng dưới đây:

Mức độ	Thang điểm thực hành
Rất tốt (≥ 90% tổng điểm)	≥ 52
Tốt (≥ 85% và < 90% tổng điểm)	49-51
Chưa tốt (< 85% tổng điểm)	< 49

## 2.6. Xử lý số liệu

- Nhập liệu: Toàn bộ số liệu thu thập được nhập liệu kép bằng phần mềm EpiData 3.0.

- Làm sạch số liệu: Sau khi hoàn tất nhập liệu, các số liệu được làm sạch bằng cách so sánh 2 lần nhập và hiệu chỉnh các sai sót trong quá trình nhập liệu.

- Xử lý và phân tích số liệu: Các số liệu sau khi thu thập, được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

- Thống kê mô tả được áp dụng để tính toán tỷ lệ % nhân viên y tế có thực hành về phòng chống dịch COVID-19.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu**

Thông tin		Khoa/phòng				Chung (n = 196)	
		Khối phòng ban (n = 28)		Khối chuyên môn (n = 168)			
		SL	%	SL	%	SL	%
Giới tính	Nam	13	46,4	44	26,2	57	29,1
	Nữ	15	53,6	124	73,8	139	70,9
Tuổi	≤ 30	6	21,4	50	29,8	56	28,6
	>30	22	78,6	118	70,2	140	71,4
Trình độ chuyên môn	Trung cấp	5	17,9	23	13,7	28	14,3
	Cao đẳng	7	25,0	66	39,3	73	37,2
	Đại học	9	32,1	58	34,5	67	34,2
	Sau đại học	2	7,1	15	8,9	17	8,7
	Khác	5	17,9	6	3,6	11	5,6
Thâm niên công tác	Dưới 5 năm	9	32,1	32	19,0	41	20,9
	Từ 5 năm đến 14 năm	11	39,3	89	53,0	100	51,0
	Từ 15 đến 25 năm	3	10,7	37	22,0	40	20,4
	Trên 25 năm	5	17,9	10	6,0	15	7,7

Nghiên cứu được tiến hành trên 196 nhân viên y tế của bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương, trong đó có 29,1% là nam giới và 70,9% là nữ giới. Tỷ lệ nhân viên y tế từ 30 tuổi trở xuống chiếm 28,6% và có 71,4% trên 30 tuổi. Đa số đối tượng trong nghiên cứu có trình độ cao đẳng (37,2%), tiếp đến 34,2% có trình độ đại học, tỷ lệ trung cấp và sau đại học chiếm lần lượt là 14,3% và 8,7%. Về thâm niên công tác của đối tượng, tỷ lệ có thâm niên 5 đến 14 năm chiếm cao nhất (51,0%), có 20,9% đối tượng mới công tác dưới 5 năm.

**Bảng 3.2. Thực hành của nhân viên y tế về biện pháp phòng, chống dịch COVID-19**

Thông tin		Thâm niên				Chung (n = 196)	
		<15 năm (n = 141)		≥15 năm (n = 55)			
		SL	%	SL	%	SL	%
Rửa tay	Không thực hiện	2	1,4	0	0	2	1,0
	Thỉnh thoảng	22	15,6	8	14,5	30	15,5
	Thường xuyên	117	83,0	47	85,5	164	83,7
Súc miệng khi về nhà	Không thực hiện	10	7,1	2	3,6	12	6,1
	Thỉnh thoảng	48	34,0	11	20,0	59	30,1
	Thường xuyên	83	58,9	42	76,4	125	93,8
Đeo khẩu trang	Thỉnh thoảng	3	2,1	1	1,8	4	2,0
	Thường xuyên	138	97,9	54	98,2	192	98,0
Vệ sinh nơi ở	Thường xuyên	141	100	55	100	196	100
Vệ sinh nơi làm việc	Thỉnh thoảng	4	2,8	1	1,8	5	2,6
	Thường xuyên	137	97,2	54	98,2	191	97,4

Kết quả nghiên cứu trình bày tại bảng trên cho thấy 83,7% NVYT thường xuyên thực hiện vệ sinh tay, cụ thể chiếm 15,6% ở NVYT có thâm niên dưới 15 năm và 85,5% NVYT từ 15 năm trở lên. Tỷ lệ NVYT thường xuyên súc miệng khi về nhà chiếm 93,8%. Có 98,0% NVYT thường thực hiện đeo khẩu trang khi ra nơi công cộng và tại nơi làm việc. Việc vệ sinh nơi làm việc thường xuyên được thực hiện ở 97,7% các NVYT.

**Bảng 3.3. Thực hành của nhân viên y tế về các hoạt động hàng ngày trong phòng, chống dịch COVID-19**

Thông tin		Giới				Chung (n = 196)	
		Nam (n = 57)		Nữ (n = 139)			
		SL	%	SL	%	SL	%
Dự sự kiện từ 50 người trở lên	Không đổi	0	0	1	0,7	1	0,5
	Giảm đi	24	42,1	32	23,0	56	28,6
	Hầu như không	33	57,9	106	76,3	139	70,9
Ăn uống bên ngoài	Không đổi	0	0	1	0,7	1	0,5
	Giảm đi	30	52,6	32	23,0	62	31,6
	Hầu như không	27	47,4	106	76,3	133	67,9
Đi du lịch	Giảm đi	5	8,8	9	6,5	14	7,1
	Hầu như không	52	91,2	130	93,5	182	92,9
Đi công tác	Không đổi	2	3,5	14	10,1	16	8,2
	Giảm đi	12	21,1	10	7,2	22	11,2
	Hầu như không	43	75,4	115	82,7	158	80,6

Về các hoạt động hàng ngày của NVYT, tất cả các hoạt động như dự sự kiện đông từ 50 người trở lên, ăn uống bên ngoài, đi du lịch hay đi công tác đều không tăng lên, tỷ lệ hầu như không diễn ra các hoạt động này chiếm lần lượt là 70,9%, 67,9%, 92,9% và 80,6%.

**Bảng 3.4. Thực hành của nhân viên y tế về biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tại bệnh viện**

Thông tin	Khoa/phòng				Chung (n = 196)	
	Khối phòng ban (n = 28)		Khối chuyên môn (n = 168)			
	SL	%	SL	%	SL	%
Tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn	130	92,2	52	94,5	182	92,9
Tập huấn kỹ năng hồi sinh tim phổi	82	58,2	34	61,8	116	59,2
Thực hiện hội chẩn, giao ban	80	56,7	36	65,5	116	59,2
Thực hiện báo cáo tình hình bệnh	109	77,3	51	92,7	160	81,6
Tự giác theo dõi sức khỏe bản thân	141	100	54	98,2	195	99,5

Theo kết quả nghiên cứu tại bảng trên cho thấy, trên 90% NVYT được tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn và tự giác theo dõi sức khỏe bản thân (99,2% và 99,5%). Tỷ lệ thực hiện báo cáo tình hình bệnh chiếm 81,6%. Tỷ lệ NVYT được tập huấn kỹ năng hồi sinh tim phổi và thực hiện hội chẩn, giao ban đều chiếm 59,2%.

**Bảng 3.5. Thực hành chung của nhân viên y tế về biện pháp phòng, chống dịch COVID-19**

Thực hành	Độ tuổi				Chung (n = 196)	
	≤ 30 tuổi (n=56)		>30 tuổi (n=140)			
	SL	%	SL	%	SL	%
Rất tốt	31	55,4	83	59,3	114	58,2
Tốt	18	32,1	49	35,0	67	34,2
Chưa tốt	7	12,5	8	5,7	15	7,7

Theo kết quả bảng 3.14 cho thấy tỷ lệ NVYT có thực hành phòng chống dịch Covid-19 rất tốt chiếm 58,2%, cụ thể chiếm 55,4% ở các NVYT từ 30 tuổi trở xuống và chiếm 59,3% ở các NVYT trên 30 tuổi. Tỷ lệ thực hành tốt chiếm 34,2%, chỉ có 7,7% thực hành chưa tốt về vấn đề này

**Hộp 3.1. Những biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tại Bệnh viện**

“... BV chúng tôi thực hiện các biện pháp như: Duy trì và siết chặt công tác sàng lọc, phân luồng, kiểm tra thân nhiệt và khai báo y tế ngay từ cổng viện. Truyền thông cho nhân viên y tế, người bệnh và người nhà người bệnh về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh qua tranh ảnh, pano, hệ thống đài phát thanh của viện ....”

Trưởng khoa KSNK-40 tuổi.

“...BV đã thực hiện rất nhiều các biện pháp để phòng, chống dịch: Khám và phân loại người bệnh ngay từ cổng viện với các dấu hiệu ho, sốt, khó thở và có yếu tố dịch tễ. Thường xuyên tập huấn cho NVYT các biện pháp phòng chống dịch. Đồng thời tăng cường kiểm tra công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, thực hiện đeo khẩu trang, vệ sinh bề mặt nơi làm việc của NVYT .....”

Trưởng khoa Nội-39 tuổi.

“...BV đã tổ chức tiêm phòng vaccine đợt 1 cho các NVYT trong viện. Đồng thời BV cũng thực hiện lấy mẫu người bệnh để xét nghiệm đối với các trường hợp có yếu tố dịch tễ .....”

Trưởng khoa Mắt-50 tuổi.



Có 17/17 trường các khoa/phòng trả lời rằng bệnh viện đang thực hiện đồng bộ rất nhiều các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19. Một số ý kiến tiêu biểu như: tổ chức tiêm phòng vaccine đợt 1 cho NVYT, thực hiện khám sàng lọc ban đầu cũng như tăng cường kiểm soát nhiễm khuẩn tại viện.

#### IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được tiến hành trên 196 nhân viên y tế của bệnh viện đa khoa huyện Kiến Xương, trong đó có 29,1% là nam giới và 70,9% là nữ giới. Tỷ lệ nhân viên y tế từ 30 tuổi trở xuống chiếm 28,6% và có 71,4% trên 30 tuổi. Đa số đối tượng trong nghiên cứu có trình độ cao đẳng (37,2%), tiếp đến 34,2% có trình độ đại học, tỷ lệ trung cấp và sau đại học chiếm lần lượt là 14,3% và 8,7%. Về thâm niên công tác của đối tượng, tỷ lệ có thâm niên 5 đến 14 năm chiếm cao nhất (51,0%), có 20,9% đối tượng mới công tác dưới 5 năm và tỷ lệ công tác công tác tại bệnh viện trên 25 năm chiếm thấp nhất (7,7%).

Kết quả dữ liệu của tác giả Võ Tuấn Khoa cho thấy các hành động phòng ngừa COVID-19 cũng thay đổi theo khuyến cáo. Khoảng 60% mọi người giảm các hoạt động tiềm ẩn nguy cơ nhiễm COVID-19 (dự sự kiện đông người, ăn uống bên ngoài, đi công tác, đi du lịch), trong khi đó 40% có gia tăng việc dự trữ nhu yếu phẩm [3]. Kết quả này thấp hơn trong nghiên cứu của chúng tôi: Về các hoạt động hàng ngày của NVYT, tất cả các hoạt động như dự sự kiện đông từ 50 người trở lên, ăn uống bên ngoài, đi du lịch hay đi công tác đều không tăng lên, tỷ lệ hầu như không diễn ra các hoạt động này chiếm lần lượt là 70,9%, 67,9%, 92,9% và 80,6% (bảng 3.2).

Kết quả nghiên cứu trình bày tại bảng trên cho thấy 83,7% NVYT thường xuyên thực hiện vệ sinh tay, cụ thể chiếm 15,6% ở NVYT có thâm niên dưới 15 năm và 85,5% NVYT từ 15 năm trở lên. Tỷ lệ NVYT thường xuyên súc miệng khi về nhà chiếm 93,8%. Có 98,0% NVYT thường xuyên thực hiện đeo khẩu trang khi ra nơi công cộng và tại nơi làm việc. Việc vệ sinh nơi làm việc thường xuyên được thực hiện ở 97,7% các NVYT (bảng 3.3). Những biện pháp về phòng chống dịch đối với cá nhân của Bộ Y tế khuyến cáo được NVYT thực hiện rất tốt. Trái ngược hoàn toàn với nghiên cứu ở Ethiopia: Nghiên cứu này xác định rằng 36,5% nhân viên y tế đã đi đến những nơi đông đúc trong những ngày gần đây. Trên một cách khác, kết quả cho thấy 62,1% nhân viên y tế chưa bao giờ đeo khẩu trang khi ra khỏi nhà [4].

Khi hỏi về thực hành của nhân viên y tế về biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tại bệnh viện:

Theo kết quả nghiên cứu tại bảng trên cho thấy, trên 90% NVYT được tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn và tự giác theo dõi sức khỏe bản thân (99,2% và 99,5%). Tỷ lệ thực hiện báo cáo tình hình bệnh chiếm 81,6%. Tỷ lệ NVYT được tập huấn kỹ năng hồi sinh tim phổi và thực hiện hội chẩn, giao ban đều chiếm 59,2% (bảng 3.4). Trong nghiên cứu tại Nam Phi cũng cho kết quả tương tự: Chỉ hơn một nửa số người tham gia (51,3%) đồng ý rằng họ đã trải qua sức khỏe nghề nghiệp và huấn luyện an toàn. Hơn một nửa số người tham gia-nghĩa là họ đã được đào tạo phòng ngừa lây nhiễm và điều trị (55,6%) và đào tạo cách sử dụng đúng PPE (56,2%). Ít hơn 90% người tham gia cho biết họ được sử dụng khẩu trang y tế (85,7%) và găng tay (88,7%) với khoảng một nửa số người tham gia (51,0%) cho biết họ có quyền truy cập vào mặt nạ phòng độc trong phòng ban. Phần lớn những người tham gia cho biết họ thực hành vệ sinh tay sau khi chạm vào bệnh nhân (97,7%) và sau khi chạm vào môi trường xung quanh bệnh nhân (90,3%) [5]. Tỷ lệ NVYT có thực hành phòng chống dịch Covid-19 rất tốt chiếm 58,2%, cụ thể chiếm 55,4% ở các NVYT từ 30 tuổi trở xuống và chiếm 59,3% ở các NVYT trên 30 tuổi. Tỷ lệ thực hành tốt chiếm 34,2%, chỉ có 7,7% thực hành chưa tốt về vấn đề này (bảng 3.5).

Chúng tôi thực hiện cuộc phỏng vấn sâu với trường các khoa/phòng và ban giám đốc bệnh viện cho thấy có 17/17 trường các khoa/phòng trả lời rằng bệnh viện đang thực hiện đồng bộ rất nhiều các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19. Một số ý kiến tiêu biểu như: tổ chức tiêm phòng vaccine đợt 1 cho NVYT, thực hiện khám sàng lọc ban đầu cũng như tăng cường kiểm soát nhiễm khuẩn tại viện (hộp 3.1). Như vậy tại bệnh viện đã tăng cường rất nhiều các biện pháp để phòng, chống dịch COVID-19 như một số ý kiến sau: "...BV đã thực hiện rất nhiều các biện pháp để phòng, chống dịch: Thường xuyên tập huấn cho NVYT các biện pháp phòng chống dịch. Đồng thời tăng cường kiểm tra công tác kiểm soát nhiễm khuẩn, thực hiện đeo khẩu trang, vệ sinh bề mặt nơi làm việc của NVYT ...." (Trường khoa Nội-39 tuổi) hay như ý kiến "...BV đã tổ chức tiêm phòng vaccine đợt 1 cho các NVYT trong viện. Đồng thời BV cũng thực

hiện lấy mẫu người bệnh để xét nghiệm đối với các trường hợp có yếu tố dịch tễ .....” (Trường khoa Mắt-50 tuổi). Bệnh viện đã thực hiện rất tốt những yêu cầu trong công văn về các vấn đề thực hiện nghiêm túc chỉ bệnh viện, phòng khám an toàn phòng, chống COVID-19; sàng lọc, phân luồng, cách ly, kiểm soát nhiễm khuẩn.

#### V. KẾT LUẬN

- 99,2% NVYT được tập huấn về kiểm soát nhiễm khuẩn và 99,5% NVYT tự giác theo dõi sức khỏe bản thân.

- Tỷ lệ NVYT có thực hành phòng chống dịch Covid-19 rất tốt chiếm 58,2%, tỷ lệ thực hành tốt chiếm 34,2%, chỉ có 7,7% thực hành chưa tốt về vấn đề này.

- Có 17/17 trường các khoa/phòng trả lời rằng bệnh viện đang thực hiện đồng bộ rất nhiều các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19.

#### VI. KHUYẾN NGHỊ

Tăng cường tập huấn định kỳ về phòng, chống dịch COVID-19 bằng hình thức trực tuyến cho các NVYT tại bệnh viện để các NVYT có thể cập nhật thường xuyên các kỹ năng, văn bản mới, quy định của Bộ Y tế về an toàn bệnh viện trong tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế** (2020), Quyết định 3088/QĐ-BYT của Bộ Y tế Ban hành ngày 16/7/2020 Bộ Tiêu chí Bệnh viện an toàn phòng chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp.

2. **Bộ Y tế** (2020), Công khai các Sở Y tế đã đánh giá Bộ tiêu chí an toàn phòng chống COVID-19, truy cập ngày 09/12/2020, tại trang web <https://thaibinh.gov.vn/covid19/tin-tuc-su-kien/cong-khai-cac-so-y-te-da-danh-gia-bo-tieu-chi-an-toan-phong-.html>.

3. **Võ Tuấn Khoa** (2020), Khảo sát tại Bệnh viện Nhân dân 115: Người dân rất tin tưởng các thông tin COVID-19 từ chính phủ và cơ quan y tế, Bệnh viện Nhân dân 115, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Getahun Fetansa , Belachew Etana và et al Tadesse Tolossa (2020), “Knowledge, attitude, and practice of health professionals in Ethiopia toward COVID-19 prevention at early phase”, SAGE Open Medicine. 9, tr. 1-9.

5. Muzimkhulu Zungu Saiendhra Vasudevan Moodley, Molebogeng Malotle, et al (2021), “A health worker knowledge, attitudes and practices survey of SARS-CoV-2 infection prevention and control in South Africa”, BMC Infectious Diseases. 21: 138, tr. 1-9.

## NHU CẦU KHÁM CHỮA BỆNH CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI 2 XÃ/THỊ TRẤN CỦA HUYỆN KIẾN XƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2021

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả nhu cầu khám chữa bệnh của người cao tuổi tại 2 xã/thị trấn của huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình năm 2021.

**Phương pháp:** Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện với 395 người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) tại 2 xã/thị trấn, huyện Kiến Xương, Thái Bình từ tháng 01/2021 đến tháng 07/2021. Nghiên cứu có kết hợp nghiên cứu định lượng với nghiên cứu định tính.

**Kết quả:** Đa số người cao tuổi có nhu cầu được khám chữa bệnh tại nhà chiếm 97,7% tương ứng

với 97,4% người cao tuổi tại Thị trấn Kiến Xương và 98,0% người cao tuổi tại xã Bình Nguyên. Phần lớn người cao tuổi đều mong muốn nhận được chăm sóc sức khỏe khi cần tại nhà chiếm 87,8%. Tỷ lệ nhóm bệnh mà người cao tuổi có nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà cao nhất là suy kiệt tuổi già chiếm 65,1%. Qua kết quả nghiên cứu định tính cho thấy, 9/10 người cao tuổi cho rằng dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại địa phương ở mức trung bình, vẫn còn thiếu thốn cơ sở vật chất.

**Từ khóa:** Người cao tuổi, nhu cầu khám chữa bệnh.

### ABSTRACT

DEMAND OF MEDICAL EXAMINATION OF THE ORGANIZATIONS IN 2 COMMUNITIES/TITLES OF KIEN XUONG DISTRICT THAI BINH PROVINCE IN 2021

1. *Trường Đại học Y Dược Thái Bình*

\*Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Ái

Email: [nguyenai198@gmail.com](mailto:nguyenai198@gmail.com)

Ngày nhận bài: 04/01/2022

Ngày phản biện: 15/02/2022

Ngày duyệt bài: 07/03/2022